

Bản án số: 11/2025/DS-ST  
Ngày: 16-5-2025  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Hà

Ông Vũ Văn Thi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ch - Thư ký Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 11/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 07/5/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở ch: Số 266 - 268 N, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ Phòng giao dịch: Phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương;

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Hoàng Việt Vương; địa chỉ: Phố Ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (Văn bản uỷ quyền số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024); có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Ông La Văn N;

2. Bà Nguyễn Thị C;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, phường L, quận A thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị La Thúy Q;
2. Chị La Thị Thúy H;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, phường L, quận A, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với ông La Văn N và bà Nguyễn Thị C có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số LD1936100005 ngày 27/12/2019 và các Phụ lục đi kèm Ngân hàng cho ông N bà C vay số tiền 600.000.000 đồng để tiêu dùng (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số LD1936100005); lãi suất theo thỏa thuận.

Tài sản bảo đảm cho món vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 10 có diện tích 402 m<sup>2</sup> thôn Phú Xá, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đứng tên ông La Văn N và bà Nguyễn Thị C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với số BX 295351 do UBND huyện An Dương cấp ngày 31/12/2014 (Sau đây viết tắt là: Thửa đất số 192). Hợp đồng thế chấp số LD1714600117/A ký ngày 26/5/2017 và các Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai quận An Dương.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ ông N bà C mới trả được một phần nợ, đến ngày 20/9/2023 thì vi phạm, để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng đều không thực hiện được. Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/5/2025 tổng số tiền là 203.192.252 đồng; trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng, lãi trong hạn là 33.551.880 đồng, lãi quá hạn 9.640.372 đồng. Yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp nêu trên trong trường hợp bên vay không trả được nợ.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn La Văn N trình bày: Thừa nhận với toàn bộ trình bày ở trên của đại diện Ngân hàng. Gia đình ông có kế hoạch thu xếp để trả toán nợ với Ngân hàng.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; các đương sự khác chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 85, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS); các điều 117, 298, 299, 466, 500 và 502 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Ch phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày

19/3/2021 của Ch phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 15/5/2025 như đại diện nguyên đơn đã trình bày ở trên. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại các tài sản thế chấp như nguyên đơn trình bày để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại quận An Dương nên Tòa án nhân dân quận An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, xác định đây là quan hệ Tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 30 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, lời khai bị đơn La Văn N và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập khẳng định được giữa Ngân hàng với ông N bà C có quan hệ tín dụng bởi Hợp đồng tín dụng số LD1936100005 như đại diện Ngân hàng trình bày ở trên là đúng. Ngày 20/9/2023 bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ bị quá hạn. Việc Ngân hàng yêu cầu bên vay phải thanh toán tổng số tiền còn thiếu đến ngày 15/5/2025 tổng số tiền là 203.192.252 đồng; trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng, lãi trong hạn là 33.551.880 đồng, lãi quá hạn 9.640.372 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 117, 463 và 466 của BLDS.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, lời khai bị đơn La Văn N và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập khẳng định được ông N bà C có dùng tài sản của mình là Thửa đất số 192 để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng. Hợp đồng về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, hợp đồng thế chấp ô tô đảm bảo về hình thức, trình tự, thủ tục, nội dung theo quy định tại các điều 117, 119, 500, 501 và 502 của BLDS; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Ch phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về phát mại các tài sản thế chấp ở trên trong

trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 298, 299, 500 và 502 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tính theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 39, 92, 97, 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 298, 299 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Ch phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 8, Điều 9 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Ch phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông La Văn N và bà Nguyễn Thị C phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1936100005 ngày 27/12/2019 tính đến ngày 15/5/2025 tổng số tiền là 203.192.252 (Hai trăm linh ba triệu, một trăm c mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi hai đồng); trong đó nợ gốc là 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 33.551.880 (Ba mươi ba triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, tám trăm tám mươi đồng), lãi quá hạn 9.640.372 (C triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 16/5/2025 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông La Văn N và bà Nguyễn Thị C không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu phát mại các tài sản sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 10 có diện tích 402 m<sup>2</sup> thôn Phú Xá, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố Phú Xá, phường Lê Thiện, quận An Dương, thành phố Hải Phòng) đứng tên ông La Văn N và bà Nguyễn Thị C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với số BX 295351 do Ủy ban nhân dân huyện An Dương (nay là Ủy ban nhân dân quận An Dương) cấp ngày 31/12/2014 cho ông La Văn N và bà Nguyễn Thị C.

Trường hợp phát mại tài sản trên nhưng chưa đủ để thu hồi nợ thì ông La Văn N và bà Nguyễn Thị C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Trường hợp phát mại tài sản để thu hồi nợ còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông La Văn N và bà Nguyễn Thị C phải nộp 10.160.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 4.845.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận An Dương, biên lai số 8673 ngày 10/01/2025.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận An Dương;
- Chi cục THADS quận An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Dũng**